

*

ĐIỂM TỔNG HỢP

MÔN: Phần D. II- KNLĐ (Ngày thi: 29/12/23)

Lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khóa 7 - 2023

TT	Họ và tên		Năm sinh	Kiểm tra				Thi		Điểm TB	Ghi chú
				1	2	3	4	L1	L2		
1	Phạm Thị Mỹ	An*	26/2/1982					8,50		8,50	
2	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh*	21/6/1989					8,13		8,13	
3	Lê Thị	Diễm*	06/10/1991					8,38		8,38	
4	Nguyễn Tiến	Dũng	17/10/1984					8,50		8,50	
5	Nguyễn Thị Phương	Dung*	10/02/1989					8,00		8,00	
6	Nguyễn Thị Hồng	Đậm*	19/7/1990					8,50		8,50	
7	Nguyễn Thị Hồng	Điệp*	19/2/1987					8,13		8,13	
8	Đặng Long	Giang	12/5/1993					8,38		8,38	
9	Nguyễn Thành	Giang	19/5/1990					8,00		8,00	
10	Hồ Long	Hải	08/6/1989					8,13		8,13	
11	Nguyễn Thị	Hiệp*	20/08/1990					8,13		8,13	
12	Trần Trung	Kiên	07/4/1990					8,38		8,38	
13	Lê Kim	Kiều*	20/11/1981					8,25		8,25	
14	Trần Hữu	Khánh	11/08/1997					7,75		7,75	
15	Lê Đăng	Khoa	22/9/1990					8,50		8,50	
16	Phạm Hoàng	Khôi	19/5/1988					8,25		8,25	
17	Hồ Thị Cẩm	Lài*	25/8/1991					8,50		8,50	
18	Nguyễn Thị Cẩm	Linh*	28/11/1990					8,13		8,13	
19	Lê Thị Kim	Loan*	18/12/1990					8,50		8,50	
20	Lê Phước	Lộc	06/01/1992					8,00		8,00	
21	Phạm Ngọc	Ly*	01/01/1994					8,00		8,00	
22	Phạm Thị Tuyết	Ngân*	04/10/1999					8,25		8,25	
23	Hà Mỹ	Ngọc*	16/07/2000					8,00		8,00	
24	Nguyễn Thị Xuân	Nguyên*	27/01/1991					8,00		8,00	
25	Lưu Thị Như	Nguyệt*	18/10/1986					8,88		8,88	
26	Cù Thị Mỹ	Nhiên*	10/10/1994					8,50		8,50	
27	Bùi Kim	Nhiên*	27/4/1985					7,88		7,88	
28	Nguyễn Hiền	Phong	20/10/1993					8,25		8,25	
29	Nguyễn Hoàng	Phúc	23/12/1997					8,25		8,25	
30	Trần Hoàng	Phúc	03/01/1997					8,25		8,25	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Kiểm tra				Thi		Điểm TB	Ghi chú
				1	2	3	4	L1	L2		
31	Trần Khắc	Quy	10/11/1986					7,25		7,25	
32	Nguyễn Phương	Quyên*	22/12/1991					8,63		8,63	
33	Trần Ngọc	Sang	04/5/1996					8,13		8,13	
34	Lê Việt	Thanh	19/12/1981					7,75		7,75	
35	Phan Thị	Thắm*	19/12/1976					8,38		8,38	
36	Nguyễn Trương	Thiện	05/2/1990					9,00		9,00	
37	Nguyễn Truyền	Thông	23/10/1984					8,00		8,00	
38	Phạm Minh	Thuận	12/12/1994					8,50		8,50	
39	Huỳnh Thị Mỹ	Thuận*	03/5/1991					8,13		8,13	
40	Đỗ Thị Anh	Thư*	08/10/1992					8,13		8,13	
41	Mai Thị Minh	Thư*	19/02/1991					8,25		8,25	
42	Trần Huỳnh Kim	Thư*	21/01/1994					7,75		7,75	
43	Huỳnh Văn	Thượng	01/01/1990					9,00		9,00	
44	Phan Võ Ngọc	Trân*	08/12/1998					8,50		8,50	
45	Nguyễn Huy	Viễn	10/10/1988					8,38		8,38	
46	Đặng Thế	Vinh	15/8/1996					8,25		8,25	
47	Nguyễn Hồng	Xuyên*	19/4/1990					8,50		8,50	
48	Võ Phi	Yến*	06/9/1992					8,38		8,38	

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM



Võ Thị Tường Vy

T/L HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



Cao Văn Trung